

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021 tỉnh Thanh Hóa (Đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 237/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1836/BNN-VPDP ngày 31/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục hoạt động của hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 30/03/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 19120/UBND-NN ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm cuối năm 2021 thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Công văn số 762/VPĐP-KHTH ngày 10/12/2021 về việc đề nghị thẩm định Dự toán chi tiết chi hoạt động Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 8120/STC-QLNSHX ngày 22/12/2021 về việc đề nghị phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021 tỉnh Thanh Hóa (Đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021 tỉnh Thanh Hóa (Đợt 2), cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ: 184.500.000 đồng;

(Một trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng)

(Chi tiết phụ biểu kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 theo Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Tài chính thông báo bổ sung dự toán cho đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của nhà nước;

- Căn cứ nội dung và kinh phí được giao: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh và các ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện theo đúng mục tiêu được phê duyệt và đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình; tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch COVID- 19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa khi triển khai các nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) NĂM 2021
TỈNH THANH HÓA (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng:	184.500.000	Dự toán tạm tính mức bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế
1	Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông	30.000.000	Biểu 1
2	Kinh phí trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP	59.000.000	Biểu 2
3	Tư vấn Chương trình	67.500.000	Biểu 3
4	Triển khai Chu trình thường niên	28.000.000	Biểu 4

BIỂU 1: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN CHƯƠNG TRÌNH (ĐỢT 2)*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông					30.000.000	Dự toán tạm tính mức bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế
	Clip tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa; tại Hội nghị Tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa năm 2021, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025	Chuyên mục	1	30.000.000	Trộn gói	30.000.000	

BIỂU 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ QUẢNG BÁ SẢN PHẨM NĂM 2021 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Kinh phí trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP					59.000.000	Dự toán tạm tính mức bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế.
1	Trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP tại Kỳ họp thứ 4, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII					30.200.000	
	- Địa điểm: TP Thanh Hóa; - Thời gian: 7/12-11/12/2021; - Số gian hàng trưng bày: 8 gian						
1.1	Kinh phí chi cho cán bộ đi các địa phương thu thập sản phẩm					9.300.000	
-	Công tác phí cho cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa (03 người x 3 ngày)	Ngày	3	200.000	03 người x 3 ngày x 200.000 đồng	1.800.000	
-	Thuê xe ô tô chở cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương	Chuyến	3	2.500.000	03 chuyến x 2.500.000 đồng	7.500.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1.2	Kinh phí thuê, trang trí, kệ trưng bày sản phẩm; thuê xe vận chuyển sản phẩm hàng hóa.					18.600.000	
-	Thuê kệ, giá phục vụ trưng bày sản phẩm	Bộ	08	500.000	08 bộ x 500.000 đồng	4.000.000	
-	Trang trí gian hàng: Làm makét, các câu khẩu hiệu, lô gô sản phẩm	Bộ	08	500.000	08 gian x 500.000 đồng	4.000.000	
-	Thuê phương tiện, lao động vận chuyển sản phẩm hàng hóa, bốc xếp đến địa điểm trưng bày (02 chiều)	Chuyến	03	2.000.000	03 chuyến x 2.000.000 đồng	6.000.000	
-	Mua một số sản phẩm OCOP của tỉnh, trưng bày, chào mời khách ăn thử và kinh phí hỗ trợ một số sản phẩm sau khi kết thúc đợt trưng bày đã hết thời hạn sử dụng hoặc hỏng vỡ trong khi vận chuyển.					3.000.000	
-	Chi khác:	-	-	-	-	1.600.000	
1.3	Hỗ trợ kinh phí cán bộ Văn phòng Điều phối trực tiếp đi tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Hội nghị (Số lượng 05 người, thời gian					2.300.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	04 ngày)						
-	Nước uống (05 người x 04 ngày)	Ngày	4	40.000	05 người x 04 ngày x 40.000 đồng	800.000	
-	Chi thuê trực đêm các gian hàng	Đêm	3	500.000	03 đêm x 500.000 đồng/đêm	1.500.000	
2	Trung bày và giới thiệu sản phẩm OCOP tại Hội nghị Tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa năm 2021, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025;					28.800.000	
	- Địa điểm: TP Thanh Hóa; - Số gian hàng trưng bày: 8 gian						
2.1	Kinh phí chi cho cán bộ đi các địa phương thu thập sản phẩm					9.300.000	
-	Công tác phí cho cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa (03 người x 3 ngày)	Ngày	3	200.000	03 người x 3 ngày x 200.000 đồng	1.800.000	
-	Thuê xe ô tô chở cán bộ đi thu gom và trả sản phẩm, hàng hóa tại các địa phương	Chuyến	3	2.500.000	03 chuyến x 2.500.000 đồng	7.500.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
2.2	Kinh phí thuê, trang trí, kệ trưng bày sản phẩm; thuê xe vận chuyển sản phẩm hàng hóa.					18.600.000	
-	Thuê kệ, giá phục vụ trưng bày sản phẩm	Bộ	08	500.000	08 bộ x 500.000 đồng	4.000.000	
-	Trang trí gian hàng: Làm makét, các câu khẩu hiệu, lô gô sản phẩm	Bộ	08	500.000	08 gian x 500.000 đồng	4.000.000	
-	Thuê phương tiện, lao động vận chuyển sản phẩm hàng hóa, bốc xếp đến địa điểm trưng bày (02 chiều)	Chuyến	03	2.000.000	03 chuyến x 2.000.000 đồng	6.000.000	
-	Mua một số sản phẩm OCOP của tỉnh, trưng bày, chào mời khách ăn thử và kinh phí hỗ trợ một số sản phẩm sau khi kết thúc đợt trưng bày đã hết thời hạn sử dụng hoặc hỏng vỡ trong khi vận chuyển.					3.000.000	<i>Theo thực tế</i>
-	Chi khác:	Gian	08			1.600.000	
2.3	Hỗ trợ kinh phí cán bộ Văn phòng Điều phối trực tiếp đi tham gia trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Hội nghị. <i>(Số lượng 05 người, thời gian 02 ngày)</i>					900.000	

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
-	Nước uống (05 người x 02 ngày)	Ngày	2	40.000	05 người x 02 ngày x 40.000 đồng	400.000	
-	Chi thuê trực đêm các gian hàng	Đêm	1	500.000	01 đêm x 500.000 đồng/ đêm	500.000	

BIỂU 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ TƯ VẤN CHƯƠNG TRÌNH (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
I	Tư vấn, hướng dẫn các chủ thể tham gia Chương trình OCOP hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh.					67.500.000	Dự toán tạm tính mức bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế.
1	Tư vấn hoàn thiện phiếu đăng ký, phương án kinh doanh, cơ cấu tổ chức, bộ máy... đạt chuẩn dự thi cho 09 sản phẩm, thời gian thực hiện 02 ngày/sản phẩm					67.500.000	
-	Tiền lương chuyên gia mức 1	ngày	18	1	1.800.000	32.400.000	Thông tư 02/2015/TT-BLDTBXH
-	Tiền lương chuyên gia mức 3	ngày	18	1	900.000	16.200.000	
-	Chi phí đi lại	lượt	09	1	1.500.000	13.500.000	Chi theo giá thực tế
-	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	09	2	300.000	5.400.000	NQ 64/2017/NQ-HĐND

BIỂU 4: DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHU TRÌNH OCOP THƯỜNG NIÊN (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
	Chi phí công tác đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp tỉnh					28.000.000	Dự toán tạm tính mức bình quân. Thanh, quyết toán theo khối lượng, định mức thực tế.
1	Chi phí cho hội đồng thẩm định và tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể.					23.000.000	Kinh phí cho 09 sản phẩm đánh giá, xếp hạng đợt 4 và 01 sản phẩm nâng lên 4 sao
-	Chi phí cho hội đồng thẩm định, đại biểu mời nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (11 người x 10 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	10	100.000	11 người x 10 hồ sơ x 100.000 đồng	11.000.000	
-	Chi phí cho tổ giúp việc nghiên cứu, đánh giá hồ sơ sản phẩm của các chủ thể (12 người x 10 hồ sơ sản phẩm).	Hồ sơ	10	100.000	12 người x 10 hồ sơ x 100.000 đồng	12.000.000	
2	Chi phí in ấn, làm khung, kính giấy chứng nhận	Sản phẩm	10	500.000	10 bộ x 500.000 đồng	5.000.000	